

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CÁI NƯỚC  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 03 – 01 – 2020

“*V/v tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Tuấn Kiệt

*Các vị Hội thẩm nhân dân:*

Ông Võ Tấn Liêm

Ông Nguyễn Văn Sol

*-Thư ký phiên tòa:* Ông Lương Văn Khải là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 03 tháng 01 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 455/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019. Về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 358/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Chị Lâm Thị L - Sinh năm 1983 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

*- Bị đơn:* Anh Trịnh Tấn A - Sinh năm 1979 (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*- Về hôn nhân:* Chị Lâm Thị L và anh Trịnh Tấn A kết hôn với nhau vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau vào ngày 17 tháng 6 năm 2003. Sau khi kết hôn, chị L và anh Tấn A chung sống hạnh phúc đến tháng 3 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị L và anh Tấn A bất đồng quan điểm sống dẫn đến không hòa thuận, thường xuyên cự cãi. Gia đình đã nhiều lần hàn gắn nhưng chị L và anh Tấn A vẫn không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc. Chị L và anh Tấn A sống ly thân với nhau từ tháng 4 năm 2019 đến nay. Tại phiên tòa, chị Lâm Thị L giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Trịnh Tấn A.

*- Về con chung:* Chị Lâm Thị L và anh Trịnh Tấn A có 03 người con chung tên Trịnh Thị N, sinh ngày 01 – 12 – 2005, Trịnh Thị M, sinh ngày 10 – 12 – 2007 và Trịnh Văn Q, sinh ngày 24 – 12 - 2009, hiện nay ba cháu đang sống chung với

chị L. Sau khi ly hôn chị L yêu cầu cả ba cháu M, N và Quy, không yêu cầu anh Tấn A cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Chị Lâm Thị L xác định chị và anh Tấn A tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chị Lâm Thị L xác định trong thời gian chung sống chị và anh Tấn A không có nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng anh chị, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH:**

[1] Tranh chấp giữa chị Lâm Thị L và anh Trịnh Tấn A là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Anh Tấn A có địa chỉ tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp của vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy:

*Về hôn nhân*: Chị L và anh Tấn A kết hôn vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Khánh Hưng, huyện Trần văn Thời, tỉnh Cà Mau. Do đó, hôn nhân của chị L và anh Tấn A là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của chị L và anh Tấn A thực sự có xảy ra trong thời gian dài không thể hàn gắn được, chị L và anh Tấn A đã sống ly thân với nhau từ tháng 8 năm 2019. Tại phiên tòa, chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Tấn A. Anh Tấn A không tham gia phiên tòa, không có ý kiến gì về yêu cầu xin ly hôn của chị L.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì chị L có quyền yêu cầu giải quyết việc ly hôn. Yêu cầu của chị L đã được Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và pháp luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau tiến hành hòa giải tại Tòa án theo quy định tại Điều 54 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, anh Tấn A đã được thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân huyện Cái Nước căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và đã triệu tập anh Tấn A hợp lệ đến lần thứ hai, với nội dung triệu tập anh Tấn A đến Tòa án nhân dân huyện Cái Nước để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng anh Tấn A vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh Tấn A. Anh Tấn A không đến Tòa án để hòa giải và tham gia phiên tòa, cho thấy anh Tấn A không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh

Tấn A là phù hợp với quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

*Về con chung:* Hội đồng xét xử xét thấy đến ngày xét xử sơ thẩm Trịnh Thị N, Trịnh Thị M và Trịnh Văn Q đã trên 07 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, sau khi vợ chồng ly hôn Tòa án xem xét nguyện vọng của các con mà giao cho người vợ hay người chồng trực tiếp nuôi. Tại biên bản lấy L khai cùng ngày 13 – 11 – 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước đối với cháu N, M và cháu Quy trình bày nguyện vọng sau khi chị L và anh Tấn A ly hôn thì các cháu muốn được sống với mẹ là chị L. Xét thấy, đây là ý chí tự nguyện của cháu N, M và cháu Quy nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Trịnh Thị N, Trịnh Thị M và Trịnh Văn Q cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa chị L xác định không yêu cầu anh Tấn A cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

*Về tài sản chung:* Chị L xác định về tài sản chung chị và anh Tấn A tự thỏa thuận, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

*Về nợ chung:* Chị L xác định trong thời gian chị và anh Tấn A chung sống không nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng anh chị, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Anh Tấn A vắng mặt không có ý kiến về con chung, tài sản và nợ chung nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này giữa các bên đương sự có phát sinh tranh chấp về con chung, tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Các Điều 28; 35; 39; 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị L.

*Về hôn nhân:* Chấp nhận cho chị Lâm Thị L được ly hôn với anh Trịnh Tấn A.

*Về con chung:* Giao cho chị Lâm Thị L được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Trịnh Thị N, sinh ngày 01 – 12 – 2005, Trịnh Thị M, sinh ngày 10 – 12 – 2007 và Trịnh Văn Q, sinh ngày 24 – 12 - 2009. Anh Trịnh Tấn A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trịnh Tấn A không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

*Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Chị Lâm Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Chị L có dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004810 ngày 30 – 9 – 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước, sau khi đối trừ chị L nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Trịnh Tấn A không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai chị Lâm Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trịnh Tấn A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- UBND xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu VP-HS.

**Trần Tuấn Kiệt**